

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2321/QĐ-UBND

Cử Chi, ngày 13 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 đối với
Khối Quản lý nhà nước huyện.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Khốa IX, tại kỳ họp thứ 13 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách thành phố năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Khốa IX, tại kỳ họp thứ 13 về phân bổ ngân sách thành phố năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Khốa X, tại kỳ họp thứ 16 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi về việc giao biên chế hành chính, số lượng người làm việc, số lượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP năm 2021;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện về việc điều chỉnh dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2021 Khối Quản lý nhà nước huyện tại Công văn số 610/TCKH ngày 09 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 đối với các phòng, ban thuộc Khối Quản lý nhà nước với tổng kinh phí 52.725 triệu đồng

(Năm mươi hai tỷ, bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn). (Chi tiết theo phụ lục 01, 02 ban hành kèm theo quyết định này).

Nguồn kinh phí:

- Cân đối từ khoản VII, 1 - kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ của Quản lý nhà nước của Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định số 6918/QĐ-UBND ngày 16/12/2020. Gồm:

- + Nguồn 13 Quản lý nhà nước: 29.604 triệu đồng;
- + Nguồn 14 Quản lý nhà nước: 21.380 triệu đồng;
- Cân đối từ nguồn CCTL của huyện: 100 triệu đồng;
- Cân đối từ nguồn CCTL năm trước chuyển sang: 1.641 triệu đồng.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2021 được giao, các cơ quan thuộc Khối Quản lý nhà nước thực hiện điều chỉnh dự toán và thực hiện chi theo đúng quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các phòng, ban thuộc Khối Quản lý nhà nước huyện thực hiện công tác phân bổ, giao dự toán ngân sách cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc đảm bảo khớp đúng dự toán được Ủy ban nhân dân huyện giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi, phân bổ dự toán chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, đúng thủ tục, đúng các nguyên tắc, nội dung theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Thủ Trưởng các phòng, ban thuộc Khối Quản lý nhà nước huyện phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện trong việc đảm bảo thực hiện đúng dự toán chi ngân sách nhà nước được giao.

3. Các phòng, ban thuộc Khối Quản lý nhà nước huyện thực hiện nghiêm việc xác định nguồn, nhu cầu và chi trả kinh phí thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Củ Chi, Thủ trưởng các phòng, ban thuộc Khối Quản lý nhà nước huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Sở Tài chính Thành phố;
- TT.Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- TT.UBND huyện;
- Lưu: VT, P.TCKH.02.TTKN.20


**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Hoài Phú

**CHÊNH LỆCH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021 ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
KHI ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ GIAO THEO BIÊN CHẾ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 84/QĐ-UBND NGÀY 24/3/2021**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~2321~~/QĐ-UBND ngày ~~13~~ tháng ~~4~~ năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Biên chế theo Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 24/3/2021			Biên chế theo Quyết định 107/QĐ-UBND ngày 14/5/2020			Chênh lệch số lượng biên chế giao theo Quyết định số 84/QĐ-UBND và Quyết định số 107/QĐ-UBND			Chênh lệch Dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2021 sau khi điều chỉnh theo biên chế giao tại Quyết định số 84/QĐ-UBND					Chênh lệch nguồn kinh phí sau khi điều chỉnh theo biên chế giao tại Quyết định số 84/QĐ-UBND			
		Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	Biên chế	HD 68	Tổng số	KP đảm bảo TX	KP cân đối chi TX (1,210 lên 1,490)	NQ 03	TK 10% chi TX	Cân đối từ Ngân sách huyện			Nguồn CCTL năm trước chuyển sang
																Cộng	Nguồn 13	Nguồn 14	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11 đến 14	11	12	13	14	15=16+17	16	17	18
1	Văn phòng HĐND và UBND	37	32	5	38	33	5	-1	-1	0	23	-100	60	79	-16	23	-100	123	0
a	Văn phòng HĐND và UBND	37	32	5	38	33	5	-1	-1	0	23	-100	60	79	-16	23	-100	123	0
b	Kinh phí phục vụ chung	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phòng Tư pháp	9	9		9	9		0	0	0	5	1	1	4	-1	5	1	4	0
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	26	26		26	26		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	22	22		23	22	1	-1	0	-1	-83	-63	-5	-17	2	-83	-63	-20	0
5	Phòng Lao động - TBXH	17	17		17	17		0	0	0	92	37	1	58	-4	92	37	55	0
6	Phòng Quản lý Đô thị	22	22		20	20		2	2	0	205	148	24	15	18	205	148	57	0
7	Phòng Tài nguyên và Môi trường	22	22		21	21		1	1	0	112	74	15	15	8	112	74	38	0
8	Đội Quản lý Trật tự Đô thị	32	31	1	32	31	1	0	0	0	99	24	15	65	-5	99	24	75	0
9	Phòng Kinh tế	13	13		14	14		-1	-1	0	-251	-114	-26	-110	-1	-251	-114	-137	0
10	Phòng Y tế	11	11		12	12		-1	-1	0	-414	-99	-71	-260	16	-414	-99	-315	0
11	Phòng Văn hoá và Thông tin	9	9		9	9		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Thanh tra huyện	11	11		11	11		0	0	0	145	39	12	102	-8	145	39	106	0
13	Phòng Nội vụ	19	19		19	19		0	0	0	161	42	14	115	-10	161	42	119	0
Tổng cộng		250	244	6	251	244	7	-1	0	-1	94	-11	40	66	-1	94	-11	105	0

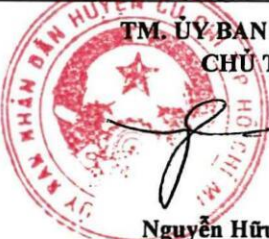
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài Phú

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021 ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2321./QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Biên chế theo Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 24/3/2021			Biên chế có mặt			Dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2021					Nguồn kinh phí				
		Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐ 68	Tổng số	KP đảm bảo TX	KP cân đối chi TX (1,210 lên 1,490)	NQ 03	TK 10% chi TX	Cân đối từ Ngân sách huyện			Cân đối từ nguồn CCTL năm trước chuyển sang	
													Quản lý nhà nước TP giao				Nguồn CCTL của huyện
													Cộng	Nguồn 13	Nguồn 14		
A	B	1	2	3	4	5	6	7=8+9+10+11	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16
1	Văn phòng HĐND và UBND	37	32	5	34	31	3	9.676	6.316	673	2.579	108	9.676	6.316	3.360		0
a	Văn phòng HDND và UBND	37	32	5	34	31	3	7.236	3.876	673	2.579	108	7.236	3.876	3.360		0
b	Kinh phí phục vụ chung	0	0		0	0	0	2.440	2.440	0	0	0	2.440	2.440	0		0
2	Phòng Tư pháp	9	9		9	9	0	1.813	993	147	633	40	1.758	993	765		55
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	26	26		25	25	0	5.064	2.826	406	1.706	126	4.805	2.826	1.979		259
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	22	22		21	21	0	5.099	2.451	500	2.108	40	5.072	2.451	2.621		27
5	Phòng Lao động - TBXH	17	17		17	17	0	3.560	1.886	302	1.307	65	3.467	1.886	1.581		93
6	Phòng Quản lý Đô thị	22	22		20	20	0	4.201	2.353	350	1.390	108	4.058	2.353	1.705		143
7	Phòng Tài nguyên và Môi trường	22	22		20	20	0	4.223	2.353	351	1.412	107	3.907	2.353	1.554		316
8	Đội Quản lý Trật tự Đô thị	32	31	1	32	31	1	6.064	3.480	467	1.957	160	5.750	3.480	2.270		314
9	Phòng Kinh tế	13	13		13	13	0	2.839	1.451	253	1.095	40	2.764	1.451	1.313		75
10	Phòng Y tế	11	11		11	11	0	2.186	1.211	174	750	51	2.018	1.211	807		168
11	Phòng Văn hoá và Thông tin	9	9		8	8	0	1.846	966	169	677	34	1.799	966	833		47
12	Thanh tra huyện	11	11		11	11	0	2.316	1.221	198	856	41	2.212	1.221	991		104
13	Phòng Nội vụ	19	19		19	19	0	3.838	2.097	313	1.345	83	3.698	2.097	1.601	100	40
	Tổng cộng	250	244	6	240	236	4	52.725	29.604	4.303	17.815	1.003	50.984	29.604	21.380	100	1.641

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài Phú